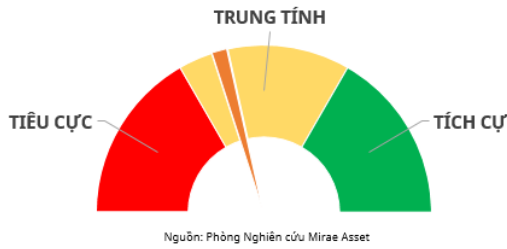


Thang đo sức mạnh thị trường



27 Tháng Bảy 2021

Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeasset.com.vn

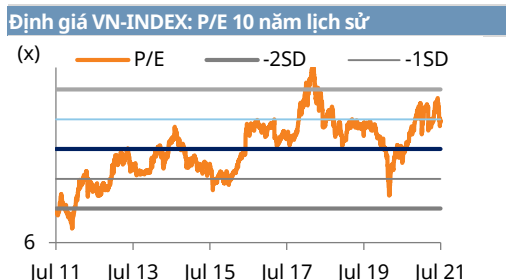
Tổng quan thị trường				
	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,276.93	0.33	-8.14	62.63
HNX	306.00	1.03	-3.84	197.52
UPCOM	84.77	1.07	-5.26	58.01
MSCI EM	1,279.99	-2.39	-7.22	19.27
NIKKEI	27,970.22	0.49	-3.77	23.13
HANG SENG	25,086.43	-4.22	-14.35	1.96
KOSPI	3,232.53	0.24	-2.13	45.75
FTSE	6,975.36	-0.71	-2.25	14.26
S&P 500	4,422.30	0.24	3.31	36.52
NASDAQ	14,840.71	0.03	3.34	40.85

Định giá thị trường			
	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	17.07	2.58	15.31
SET INDEX	27.80	1.64	6.16
JCI INDEX	NA	2.08	-8.26
PCOMP	27.88	1.60	5.95

Lãi suất tham chiếu				
	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	-50
5 năm	1.04	-1	-5	-75
10 năm	2.16	1	-6	-71

Tỷ giá ngoại hối				
	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,010	0.01	0.02	0.70
US\$/KRW	1,150	0.43	-1.75	4.00
US\$/JPY	110	0.32	0.54	-4.24
US\$/EUR	0.85	0.20	1.23	-0.24
US\$/GBP	0.73	0.26	0.72	-6.53
US\$/SGD	1.36	-0.13	-1.23	1.38

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)			
	Gần	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	614	842	553
HNX	72	114	77
UPCOM	31	48	34



Nhận định thị trường

Hồi phục trong nghi ngờ

Tương tự như hôm qua, hôm nay tiếp tục là phiên giao dịch khá thận trọng của nhà đầu tư, tuy nhiên chiều hướng đã có phần tích cực hơn. VN-Index mở phiên trong sắc xanh và nhanh chóng có mức tăng khá tốt hơn 16 điểm. Dù sau đó đã tăng có suy giảm nhưng nhìn chung vẫn mang xu hướng tích cực trong ngày. Kết phiên, VN-Index đóng cửa tại 1.276,9 điểm, tăng 4,2 điểm, tương ứng +0,3% so với phiên giao dịch ngày hôm trước, thanh khoản 3 sàn lần lượt là HOSE: 18.550 tỷ đồng, HNX: 2.218 tỷ đồng, UPCOM: 1.212 tỷ đồng.

Trái với phiên giao dịch đầu tuần, dòng tiền ngày hôm nay có xu hướng tập trung vào nhóm Ngân hàng, Chứng khoán, Dầu khí, Thép. Trong khi đó, nhóm Bất động sản sau khi dẫn đầu thị trường hôm qua đã dừng lại hoặc suy giảm nhẹ hôm nay.

Khối ngoại mua ròng xấp xỉ 300 tỷ đồng ngày hôm nay, lớn nhất là AGG (322 tỷ) và NVL (105 tỷ).

Phiên tăng nhẹ khiến các chỉ số kỹ thuật của VN-Index chưa được cải thiện. Điểm số kỹ thuật theo thang điểm của Mirae Asset hiện vẫn đang là -2 (TRUNG TÍNH). Kết thúc phiên giao dịch hôm nay, hệ số P/E của VN-Index là 17,07x.

Trần Duy Lam, Analyst, 84-8-39102222, lam.td@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	-2	TRUNG TÍNH
VN30	-4	TIÊU CỰC
VN30F1M	-2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	-3	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-5	TIÊU CỰC
Shanghai Composite	-5	TIÊU CỰC
Kospi	-4	TIÊU CỰC
Nikkei 225	-2	TRUNG TÍNH
FTSE 100 (EU)	-2	TRUNG TÍNH
Dow Jones	7	KHẢ QUAN

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Bản tin thị trường

Phân tích kỹ thuật

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-2	TRUNG TÍNH
VN30	-4	TIÊU CỰC
VN30F1M	-2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	-3	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-5	TIÊU CỰC

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (27/07/2021)	1.276,9	Kháng cự 1 1.300
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Đi ngang	Kháng cự 2 1.350
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 1 1.220
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2 1.190

VN-Index vẫn thận trọng hướng tới mốc kháng cự 1.300, nhưng tích cực hơn so với phiên trước

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Vietstock

CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (26/07/2021)	1.405	Kháng cự 1	1.450
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TIÊU CỰC	Kháng cự 2	1.500
VN30 - đóng cửa	1.409	Hỗ trợ 1	1.370
Chênh lệch VN30F1M & VN30	-4.5	Hỗ trợ 2	1.320

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	-2	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart 60 phút)	-4	TIÊU CỰC
VN30F1M (chart ngày)	-4	TIÊU CỰC

Giao dịch intraday của VN30F1M chuyển sang xu hướng TRUNG TÍNH và TIÊU CỰC

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(VNĐ)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
AAA	16	7,130,830	3	TRUNG TÍNH	4,748	11.4	1.0
ACB	33.15	9,166,315	-2	TRUNG TÍNH	89,570	10.4	2.4
AGR	12.3	3,402,950	-2	TRUNG TÍNH	2,598	12.3	1.2
ART	8.5	3,810,815	0	TRUNG TÍNH	824	#N/A N/A	0.7
BID	40.2	2,953,875	-6	TIÊU CỰC	161,685	19.6	2.0
BSI	21	1,738,140	0	TRUNG TÍNH	2,553	10.2	1.7
BSR	18.7	15,016,875	3	TRUNG TÍNH	57,979	#N/A N/A	1.9
BVH	50.5	1,091,165	2	TRUNG TÍNH	37,487	19.8	1.8
BVS	27.5	1,173,100	0	TRUNG TÍNH	1,986	11.2	1.0
CII	16.2	2,073,260	4	KHẢ QUAN	3,870	291.2	0.8
CTG	32.5	18,460,780	-2	TRUNG TÍNH	156,187	8.8	1.7
CTR	81.6	746,980	7	KHẢ QUAN	7,583	27.1	7.1
CTS	20.6	1,609,990	0	TRUNG TÍNH	2,192	7.7	1.4
DBC	54.3	2,044,865	3	TRUNG TÍNH	6,258	5.1	1.3
DCM	18.9	3,764,200	6	KHẢ QUAN	10,006	16.8	1.6
DGC	93	1,548,085	6	KHẢ QUAN	15,910	15.8	3.6
DGW	146	419,660	4	KHẢ QUAN	6,453	15.9	4.6
DIG	24.5	4,586,695	6	KHẢ QUAN	10,042	13.1	2.1
DPM	23	2,188,005	7	KHẢ QUAN	9,001	11.9	1.1
DRC	29.8	2,429,055	7	KHẢ QUAN	3,540	10.4	2.1
DXG	21	6,788,005	0	TRUNG TÍNH	10,884	#N/A N/A	1.6
E1VFN30	23.88	1,544,000	-2	TRUNG TÍNH	9,631	#N/A Field	#N/A Field
FIT	14.9	7,270,650	0	TRUNG TÍNH	3,795	55.7	1.2
FLC	10.85	24,444,256	0	TRUNG TÍNH	7,703	5.6	0.8
FPT	93.2	3,532,880	6	KHẢ QUAN	84,576	22.7	5.0
FRT	36.15	3,021,110	4	KHẢ QUAN	2,855	151.9	2.3
GAS	89	863,110	0	TRUNG TÍNH	170,342	21.8	3.6
GEX	22.1	5,701,270	2	TRUNG TÍNH	17,264	13.2	1.9
GMD	44.8	3,051,545	6	KHẢ QUAN	13,502	36.0	2.2
GVR	32.8	5,010,675	3	TRUNG TÍNH	131,200	30.1	2.7
HAH	41.65	1,637,625	7	KHẢ QUAN	1,974	11.9	1.7
HBC	12.9	3,387,570	4	KHẢ QUAN	2,978	33.7	0.8
HCM	45.95	5,858,150	-6	TIÊU CỰC	14,017	15.9	2.9
HDB	32.5	3,808,760	-2	TRUNG TÍNH	51,797	10.5	2.1
HDC	58	908,780	4	KHẢ QUAN	4,822	18.0	4.0
HDG	52.6	2,583,205	2	TRUNG TÍNH	8,607	7.4	2.4
HHV	17.4	2,006,790	-6	TIÊU CỰC	4,652	29.8	0.7
HNG	8.13	9,576,290	-2	TRUNG TÍNH	9,013	346.3	1.0
HPG	46.2	33,251,790	-2	TRUNG TÍNH	206,649	11.4	3.1
HSG	35.7	12,890,155	2	TRUNG TÍNH	17,460	4.6	1.8
IDC	33.8	2,086,525	4	KHẢ QUAN	10,140	32.3	2.8
IJC	24.7	5,932,520	4	KHẢ QUAN	5,362	7.0	1.7
ITA	6	7,926,545	4	KHẢ QUAN	5,630	27.1	0.5
KBC	32.6	9,968,530	0	TRUNG TÍNH	15,314	19.9	1.5
KDC	60.9	1,801,825	-4	TIÊU CỰC	13,931	31.1	2.4
KDH	39.25	3,912,115	7	KHẢ QUAN	24,456	20.2	2.9
LPB	23.45	7,689,295	-2	TRUNG TÍNH	28,224	10.6	1.8
MBB	27.4	20,067,760	-6	TIÊU CỰC	103,526	9.9	1.9
MBS	27.7	2,711,495	-6	TIÊU CỰC	7,413	12.7	1.5
MSN	125.5	1,765,290	7	KHẢ QUAN	148,157	98.0	9.1
MWG	158	1,163,555	-6	TIÊU CỰC	75,099	17.5	4.3
NAF	31.5	999,725	7	KHẢ QUAN	1,498	25.8	2.4

NKG	31.7	5,096,980	-4	TIÊU CỰC	5,769	3.9	1.2
NLG	41.5	2,553,720	6	KHẢ QUAN	11,839	10.6	1.8
NTL	26.85	1,213,640	6	KHẢ QUAN	1,638	5.4	1.4
NVB	18.4	4,713,825	-2	TRUNG TÍNH	7,485	689.8	1.7
NVL	106.5	3,491,005	-2	TRUNG TÍNH	156,939	34.5	4.9
ORS	21.7	1,424,470	-6	TIÊU CỰC	2,170	20.6	3.4
PAN	26.8	1,233,765	6	KHẢ QUAN	5,598	28.5	1.5
PDR	89.8	3,433,955	0	TRUNG TÍNH	43,712	31.0	7.8
PET	21.15	2,797,410	5	KHẢ QUAN	1,768	11.0	1.1
PHR	48.8	728,160	0	TRUNG TÍNH	6,612	9.4	2.2
PLX	50.3	1,583,940	0	TRUNG TÍNH	62,564	17.3	2.7
PNJ	90.1	829,175	-7	TIÊU CỰC	20,486	15.5	3.6
POW	10.8	9,227,685	5	KHẢ QUAN	25,292	10.4	0.9
PVD	18	5,761,685	0	TRUNG TÍNH	7,580	117.3	0.6
PVS	24.3	12,041,420	2	TRUNG TÍNH	11,615	17.7	0.9
PVT	18.35	3,778,010	2	TRUNG TÍNH	5,939	8.0	1.2
REE	52.8	586,690	2	TRUNG TÍNH	16,318	9.2	1.4
ROS	4.98	15,104,910	2	TRUNG TÍNH	2,827	155.4	0.5
SBS	11.9	2,774,540	-6	TIÊU CỰC	1,507	1,312.0	7.3
SBT	18.3	3,024,835	4	KHẢ QUAN	11,294	16.2	1.4
SCR	9.71	8,207,495	4	KHẢ QUAN	3,557	20.1	0.8
SHB	26.8	21,462,390	-2	TRUNG TÍNH	51,605	15.3	2.0
SHS	40.2	6,863,145	-2	TRUNG TÍNH	8,332	7.8	1.9
SMC	43.5	1,024,390	6	KHẢ QUAN	2,650	2.8	1.2
SSI	52	13,840,120	0	TRUNG TÍNH	34,056	18.7	3.0
STB	29.1	32,239,470	1	TRUNG TÍNH	52,486	19.5	1.8
SZC	39.4	966,180	4	KHẢ QUAN	3,940	15.8	3.0
TCB	49.75	26,178,896	-4	TIÊU CỰC	174,369	10.8	2.1
TCH	18.8	5,468,120	0	TRUNG TÍNH	7,505	7.3	1.3
TNG	21.2	1,957,180	6	KHẢ QUAN	1,686	9.3	1.3
TPB	34.1	5,744,005	-2	TRUNG TÍNH	36,544	8.1	1.8
TTF	7.52	4,676,275	7	KHẢ QUAN	2,340	#N/A N/A	#N/A N/A
VCB	95	2,045,090	-7	TIÊU CỰC	352,343	16.6	3.5
VCI	47.5	3,583,485	-6	TIÊU CỰC	15,818	13.7	3.0
VCS	118.9	342,075	7	KHẢ QUAN	19,023	14.0	4.5
VG	16.3	3,795,000	0	TRUNG TÍNH	8,150	28.6	1.3
VHC	40.95	1,467,370	4	KHẢ QUAN	7,451	10.1	1.4
VHM	107.8	4,073,700	-2	TRUNG TÍNH	354,610	13.7	3.9
VIB	39.7	2,256,080	-6	TIÊU CỰC	61,660	11.8	3.2
VIC	104.3	2,311,225	4	KHẢ QUAN	352,788	48.0	4.4
VIX	22.1	3,756,910	4	KHẢ QUAN	2,823	4.0	1.3
VJC	114.9	650,435	-2	TRUNG TÍNH	62,231	50.9	4.1
VND	43.5	7,522,480	3	TRUNG TÍNH	18,663	12.8	3.3
VNM	87.5	3,156,295	4	KHẢ QUAN	182,871	18.7	5.8
VPB	57	18,244,996	-6	TIÊU CỰC	139,921	11.3	2.3
VP	45.8	840,115	2	TRUNG TÍNH	1,975	5.7	2.5
VPI	36	986,960	6	KHẢ QUAN	7,200	23.6	2.6
VRE	27.65	4,787,650	0	TRUNG TÍNH	62,830	23.5	2.1

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Chứng khoán Trung Quốc tiếp tục bị bán tháo, Hang Seng giảm gần 3%

Chứng khoán Trung Quốc tiếp tục bị bán tháo sau đòn giáng về quy định từ phía Bắc Kinh. Giá cổ phiếu công nghệ, giáo dục Trung Quốc tiếp tục lao dốc, trong khi nhóm bất động sản cũng nhuốm sắc đỏ. Giá cổ phiếu Tencent Holdings lao dốc gần 8% sau khi mảng âm nhạc của tập đoàn này không còn được streaming độc quyền và còn phải chịu án phạt từ phía Bắc Kinh. Giá cổ phiếu Meituan sụt giảm 16%, mức giảm mạnh nhất trong lịch sử, khi nhà đầu tư đang xem xét các quy định mới về nền tảng thực phẩm trực tuyến. Chỉ số Hang Seng Tech – theo dõi các cổ phiếu Trung Quốc niêm yết tại Hồng Kông – sụt mạnh 6% và đã thấp hơn so với thời điểm ra mắt cách đây 1 năm. Chỉ số Hang Seng giảm 2.9%, trong khi chỉ số Shanghai Composite đang sụt 2.3%. Trong ngày 26/07, chỉ số Nasdaq Golden Dragon China - bao gồm 98 công ty Trung Quốc lớn nhất được niêm yết tại Mỹ - giảm 7.8%, sau khi chính quyền Trung Quốc ra lệnh cải tổ ngành công nghiệp giáo dục tư nhân. Tính trong 2 phiên gần đây nhất, chỉ số này đã giảm 15%, mức giảm 2 ngày mạnh nhất kể từ năm 2008.

S&P 500 leo dốc 5 phiên liên tiếp lên kỷ lục mới

Kết thúc phiên giao dịch ngày thứ Hai, chỉ số S&P 500 tiến 0.2% lên mức đóng cửa cao kỷ lục mới 4,422.30 điểm, nối rộng chuỗi leo dốc sang ngày thứ 5 liên tiếp. Chỉ số Dow Jones cộng 82.76 điểm (tương đương 0.2%) lên mức cao mọi thời đại 35,144.31 điểm, cũng tăng 5 phiên liên tiếp. Chỉ số Nasdaq Composite nhích nhẹ lên 14,840.71 điểm, đánh dấu mức đỉnh cao mới. Phố Wall chuẩn bị bước vào một trong những tuần bận rộn nhất của mùa báo cáo lợi nhuận, với việc Tesla bắt đầu công bố báo cáo sau khi khép phiên ngày thứ Hai. Tuần trước, CEO Elon Musk cho biết công ty này có thể sẽ bắt đầu chấp nhận đồng Bitcoin để mua xe một lần nữa. Cổ phiếu Tesla tăng 2.2% vào ngày thứ Hai.

GVR: lãi ròng 6 tháng tăng 165%

Theo BCTC hợp nhất quý II, Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam (HoSE: GVR) ghi nhận doanh thu tăng 72% lên 5.688 tỷ đồng. Giá vốn tăng thấp hơn nên lãi gộp đạt 1.629 tỷ đồng, tăng 129%. Biên lãi gộp tăng từ 21,4% cùng kỳ năm trước lên 28,6% quý này. Doanh nghiệp cho biết giá bán các sản phẩm mủ cao su tăng, ổn định; doanh thu cho thuê hạ tầng khu công nghiệp tăng; giá bán một số mặt hàng gỗ, sản phẩm công nghiệp cao su cũng tăng. Điều này giúp lợi nhuận gộp và lợi nhuận sau thuế của đại đa số các đơn vị có vốn góp tập đoàn đều cải thiện so với cùng kỳ năm trước. Trong cơ cấu doanh thu, doanh thu sản xuất và kinh doanh mủ cao su chiếm tỷ trọng lớn nhất 58% với 3.297 tỷ đồng, tăng 94% cùng kỳ năm trước. Doanh thu chế biến gỗ lớn thứ 2 với 1.084 tỷ đồng, tăng 69%; doanh thu các sản phẩm từ cao su cũng tăng 86% lên 880 tỷ đồng. Doanh thu tài chính và chi phí tài chính giảm lần lượt 12% và 16%. Hoạt động liên doanh liên kết tăng lãi 24% lên 86 tỷ đồng. Chi phí quản lý chiếm tỷ trọng lớn nhất trên doanh thu và tăng mạnh 95% lên 576 tỷ đồng do phát sinh khoản chi phí khác 301 tỷ đồng, gấp 3,3 lần cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ tập đoàn cao su tăng 86% so với cùng kỳ năm trước lên 846 tỷ đồng. Lũy kế 6 tháng, doanh thu thuần đạt 10.537 tỷ đồng, tăng 77%; lãi sau thuế 1.664 tỷ đồng, tăng 165%. Doanh nghiệp đã thực hiện 50% chỉ tiêu lợi nhuận năm.

ACV: lãi nửa đầu năm giảm 38%

Sáng ngày 27/7, Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam (UPCoM: ACV) tổ chức họp ĐHCĐ thường niên 2021 theo phương thức trực tuyến. Tại đại hội, Tổng giám đốc Vũ Thế Phiệt báo cáo năm 2020 do tác động của dịch Covid-19, ngành hàng không chịu ảnh hưởng nhiều nhất. Nhiều cảng hàng không trên thế giới rơi vào cảnh khó khăn, phá sản. Sản lượng vận chuyển toàn mạng của ACV giảm 44% xuống 65 triệu người, thực hiện 94% kế hoạch năm. Lượng khách quốc tế giảm 82% về mức 7,4 triệu người, thực hiện 54% kế hoạch. Lượng khách nội địa 57,8 triệu người, giảm 22% so với năm 2019 và vượt

4% kế hoạch năm. Theo đó, ACV ghi nhận 10.159 tỷ đồng tổng doanh thu và 1.642 tỷ đồng lãi sau thuế, tương đương 49% và 20% thực hiện năm 2019; lần lượt thực hiện 90% và vượt 9% kế hoạch năm. Lãi sau thuế giảm ít hơn doanh thu nhờ các giải pháp tiết kiệm chi phí, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào vận hành. Điểm sáng là rất nhiều vướng mắc thể chế quan trọng của ACV đã được xem xét giải quyết trong năm 2020. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 2007 giao ACV quản lý khai thác khu bay, giai đoạn đầu không hình thành vốn Nhà nước và sau đó dần dần định giá để đưa vào phần vốn ACV. Tiếp theo là Nghị định 05/2021/NĐ-CP ngày 5/1/2021 đảm bảo quyền và trách nhiệm doanh nghiệp cảng trong đầu tư, kinh doanh kết cấu hạ tầng tại cảng hàng không. ACV đã có quyền đầu tư tại các cảng hàng không, nếu ACV không đủ khả năng làm thì mới kêu gọi nhà đầu tư khác.

CTF: hoàn thành 21% kế hoạch lợi nhuận sau nửa năm

Công ty City Auto (HoSE: CTF) - đại lý uỷ quyền chính thức của Ford Việt Nam và Hyundai TC Motor công bố doanh thu quý II đạt 1.356,3 tỷ đồng, tăng 33,3% so với cùng kỳ năm ngoái. Giá vốn tăng ít hơn giúp lợi nhuận gộp tăng mạnh 83,3% lên 83,6 tỷ đồng. Biên lợi nhuận gộp do đó cải thiện từ 4,5% lên 6,2%. Doanh thu tài chính giảm mạnh 86% so với cùng kỳ còn gần 7 tỷ đồng do quý II/2020 phát sinh 42 tỷ đồng từ lãi chuyển nhượng cổ phần. Chi phí tài chính đi ngang ở mức 12,2 tỷ đồng. Chi phí bán hàng tăng 6,3% lên 45,8 tỷ đồng trong khi đó chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 9% còn 27,4 tỷ đồng nhờ tiết giảm khoản mục chi phí dịch vụ mua ngoài.

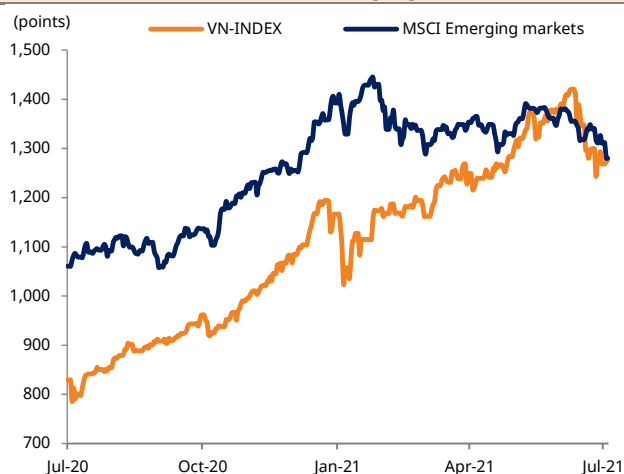
RAL: sắp chào bán cổ phiếu với giá 93.000 đồng/cp

Công ty Bóng đèn Phích nước Rạng Đông (HoSE: RAL) công bố quyết định HĐQT thông qua phương án chào bán 11 triệu cổ phiếu, tỷ lệ phân phối 91% cho cổ đông hiện hữu. Vốn điều lệ dự kiến tăng từ 120 tỷ đồng lên 229 tỷ đồng. Thời điểm thực hiện sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận, dự kiến trong năm 2021. Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là 93.000 đồng/cp, bằng 55% thị giá. Doanh nghiệp muốn huy động 1.023 tỷ đồng từ đợt phát hành để đầu tư nhà máy mới tại khu công nghệ cao Hòa Lạc 2, nâng cấp và đầu tư mở rộng năng lực sản xuất tại xưởng LED, nâng cấp và đầu tư mở rộng năng lực sản xuất của xưởng phích. Bóng đèn Phích nước Rạng Đông sẽ đầu tư nhà máy sản xuất các sản phẩm điện tử công nghệ cao tích hợp hệ sinh thái chiếu sáng LED xanh, thông minh với tổng vốn 2.334 tỷ đồng. Doanh nghiệp dự kiến kế hoạch tài trợ gồm vốn tự có 675 tỷ đồng, vốn phát hành thêm 964 tỷ đồng và vốn vay 696 tỷ đồng. Theo ban lãnh đạo, dự án sẽ sản xuất sản phẩm cao cấp, công nghệ 4.0 có giá trị gia tăng cao cho phân khúc thị trường cao cấp, đây được coi là bước đột phá cho đề án chuyển đổi số của doanh nghiệp giai đoạn 2019-2025 tầm nhìn 2030.

Bản tin thị trường

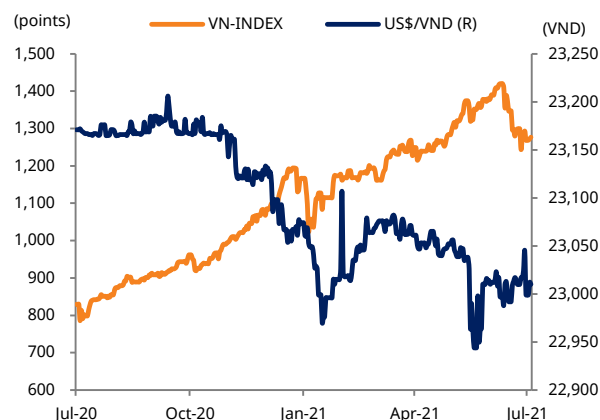
Chỉ báo tham khảo

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



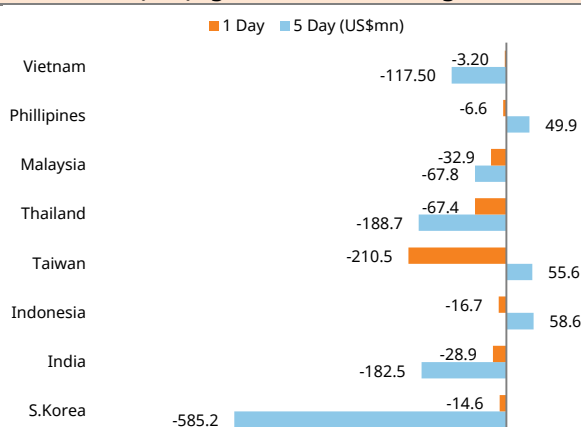
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



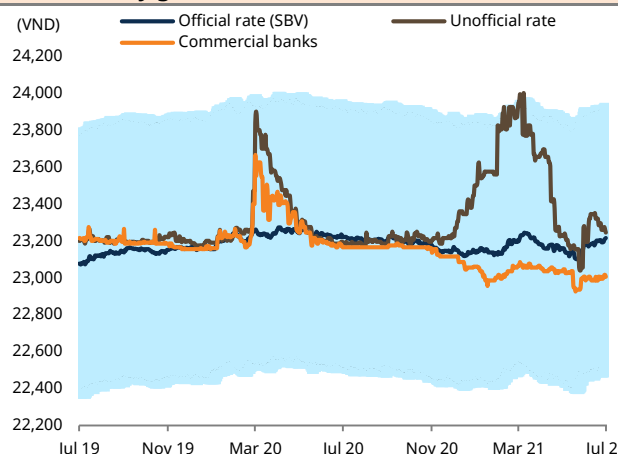
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



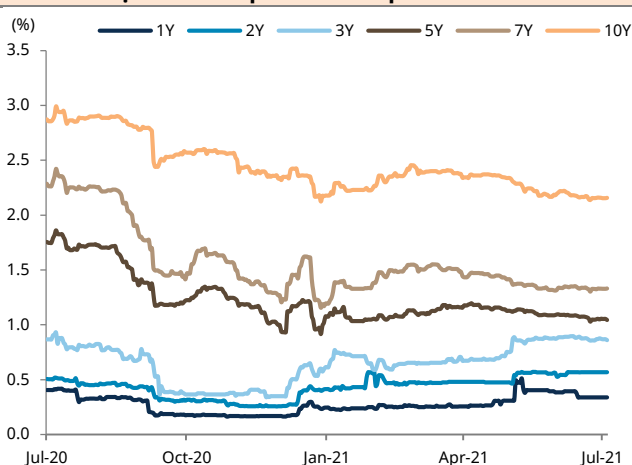
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



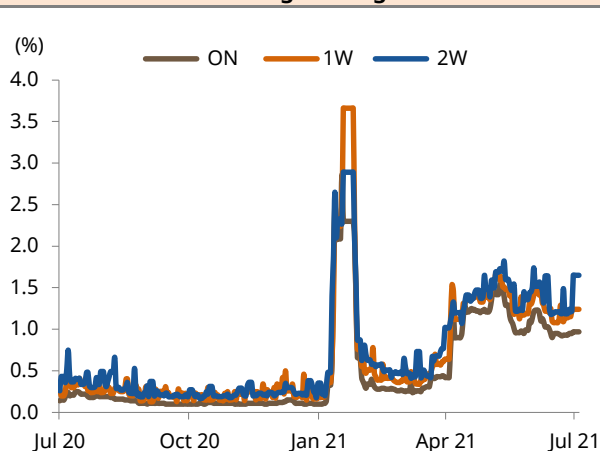
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN30 Index	VN30 Index	1,409.85	3,362,292		0.4	-0.1	-6.0	93.1	13.3	11.5	2.5	2.1	14.7	15.7	22.9	20.6
NHTMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	40,200	161,685	16.7	0.5	-2.0	-11.7	13.1	17.1	12.5	1.8	1.6	62.2	36.8	11.9	14.5
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	50,500	37,487	26.8	-0.2	1.2	-13.4	24.5	21.9	19.4	1.8	1.7	11.1	12.8	8.4	9.0
NHTMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	32,500	156,187	24.5	1.1	-2.3	-22.0	102.6	7.1	6.3	1.3	1.1	60.3	12.8	20.4	19.7
CTCP FPT	FPT VN	93,200	84,576	49.0	-0.5	7.4	9.4	145.3	20.7	17.2	4.6	4.0	25.9	20.0	25.0	25.8
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	89,000	170,342	2.8	0.8	0.0	-9.2	39.1	17.5	15.3	3.2	3.0	26.5	14.0	19.4	20.2
NHTMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh	HDB VN	32,500	51,797	17.9	0.0	-2.7	-7.9	127.7	9.4	7.8	1.8	1.5	29.3	20.2	21.2	20.1
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	46,200	206,649	26.7	1.3	-2.3	-8.9	188.4	7.4	7.0	2.3	1.7	118.0	5.8	37.9	28.9
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	39,250	24,456	32.1	0.3	6.4	5.8	97.1	20.4	15.0	2.7	2.3	3.0	35.4	14.2	17.0
NHTMCP Quân đội	MBB VN	27,400	103,526	21.8	0.7	-1.8	-12.1	179.7	8.3	7.1	1.5	1.3	50.8	16.8	21.5	20.9
Tập đoàn Masan	MSN VN	125,500	148,157	33.3	3.6	2.0	18.0	153.5	53.4	31.0	7.2	5.8	123.0	72.3	12.9	17.9
CTCP Thế giới di động	MWG VN	158,000	75,099	49.0	-1.4	-4.0	10.0	114.4	14.9	12.2	3.7	3.0	22.8	21.7	26.6	26.7
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	106,500	156,939	9.3	-0.9	2.9	-10.6	132.7	28.8	31.6	4.5	4.4	26.1	-8.8	16.2	13.0
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	89,800	43,712	3.9	-0.8	-0.1	-5.5	395.0	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	50,300	62,564	17.3	0.8	1.9	-11.0	19.1	18.2	15.4	2.6	2.5	303.1	18.4	16.0	16.7
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	90,100	20,486	49.0	-0.7	-2.1	-7.5	72.9	15.7	12.3	3.3	2.8	32.9	28.1	23.8	23.8
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	10,800	25,292	3.0	2.9	4.9	-11.1	22.7	12.4	10.9	0.8	0.8	-12.6	13.6	7.1	7.7
CTCP Cơ điện lạnh	REE VN	52,800	16,318	49.0	1.5	2.1	-6.5	66.6	9.0	7.3	1.1	1.1	11.6	23.7	13.4	15.2
CTCP Mía đường TTC Tây Ninh	SBT VN	18,300	11,294	8.9	-1.1	-1.1	-12.4	35.1	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	52,000	34,056	48.6	2.4	-1.3	-3.2	291.0	25.9	21.1	3.8	3.5	2.3	23.0	14.1	14.5
NHTMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	29,100	52,486	14.3	1.4	3.6	-1.4	186.7	22.4	15.0	1.7	1.5	4.3	48.9	8.9	11.8
NHTMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	49,750	174,369	22.5	1.5	0.5	-3.6	174.1	10.6	9.0	1.9	1.6	33.8	17.6	20.1	19.4
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	TCH VN	18,800	7,505	13.3	1.1	-0.3	-14.7	-2.3	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	34,100	36,544	30.0	3.6	3.3	-5.0	113.7	8.1	6.8	1.7	1.3	23.5	20.1	22.0	21.4
NHTMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	95,000	352,343	23.6	-1.0	-5.2	-15.6	23.4	15.3	13.1	3.0	2.5	38.9	16.6	22.1	21.4
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	107,800	354,610	23.2	-1.6	1.1	-3.8	52.0	11.6	10.2	3.1	2.4	11.8	13.5	31.7	27.5
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	104,300	352,788	15.4	0.1	1.3	-11.2	22.7	56.6	55.9	4.0	3.6	8.9	1.4	7.2	8.2
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	114,900	62,231	18.3	0.8	0.3	-0.9	17.4	153.2	23.5	3.4	2.8	472.5	552.9	3.8	16.6
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	87,500	182,871	55.2	-1.6	1.9	-2.5	1.5	18.0	17.0	5.6	5.3	1.7	6.2	33.4	34.1
NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	57,000	139,921	15.4	0.5	-5.9	-16.4	188.6	10.0	9.5	1.7	1.4	33.3	5.0	25.1	17.8
CTCP Vincom Retail	VRE VN	27,650	62,830	30.6	3.4	3.6	-12.5	3.2	22.6	18.3	2.0	1.8	16.9	23.3	8.9	10.1

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1D)	Vốn hóa (VND bn)	Biến động giá (%)				P/E (X)*		P/B (X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
			1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN-Index	4.22	4,780,141	0.3	0.3	-8.1	62.6	14.9	12.6	2.5	2.1	14.2	18.9	20.0	18.9
Ô tô và phụ tùng	0.02	8,467	0.7	3.9	-0.9	69.5	6.8	6.2	1.3	1.2	35.2	10.3	12.7	12.6
Ngân hàng	2.40	1,552,705	0.6	-3.1	-11.7	78.1	12.4	10.0	2.0	1.7	38.6	20.0	19.4	18.7
Xây dựng cơ bản	0.29	171,291	0.6	0.4	-4.6	74.0	6.4	4.9	0.4	0.3	12.8	26.2	7.7	8.1
Dịch vụ thương mại	-0.03	4,598	-2.6	-0.2	1.4	29.6	7.2	5.7	NA	NA	18.8	27.9	10.1	12.2
May mặc và trang sức	0.03	42,539	0.3	-1.0	-5.3	149.4	12.1	9.7	2.3	2.0	40.2	23.1	17.5	17.8
Dịch vụ tiêu dùng	0.00	7,819	0.1	0.0	-6.7	13.5	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dịch vụ tài chính	0.51	87,233	2.2	-1.2	-7.0	254.8	16.0	12.6	2.6	2.3	18.8	28.6	12.7	13.8
Năng lượng	0.24	79,026	1.1	-0.8	-11.9	35.4	18.8	14.4	2.2	2.1	NA	29.1	13.9	14.6
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	0.69	520,878	0.5	0.5	0.4	48.6	26.6	19.0	4.9	4.3	45.0	30.7	20.4	21.9
Dịch vụ và thiết bị y tế	0.00	816	1.3	-4.9	-9.6	21.2	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Hàng cá nhân và gia dụng	0.00	1,847	-0.3	-0.5	0.9	11.8	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bảo hiểm	-0.04	46,294	-0.3	0.5	-8.5	33.1	18.9	16.9	1.6	1.5	14.9	11.4	7.8	8.3
Nguyên vật liệu	1.28	472,579	1.0	0.6	-6.9	177.0	48.3	12.9	1.9	0.9	92.1	-3.5	23.8	18.8
Giải trí và truyền thông	-0.01	1,308	-1.5	-1.5	-12.6	-24.9	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dược phẩm	-0.04	35,337	1.6	0.4	-11.7	33.9	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bất động sản	-1.36	1,159,987	-0.4	0.3	-3.7	30.1	8.7	7.6	1.5	1.0	9.8	13.2	9.0	9.4
Bán lẻ	-0.29	84,119	-0.4	-1.4	-8.2	70.9	26.7	25.9	3.0	2.6	14.7	17.4	15.5	14.3
Phần mềm và dịch vụ	-0.08	89,275	-1.2	-3.5	10.0	107.2	14.2	11.5	3.4	2.8	36.5	20.7	24.0	24.3
Thiết bị và phần cứng	0.00	6,453	-0.3	4.5	9.1	141.4	19.6	16.3	4.3	3.8	28.2	21.5	23.6	24.5
Dịch vụ viễn thông	0.01	1,380	-0.2	3.3	16.3	285.2	15.5	13.1	4.2	3.3	51.5	18.8	25.0	23.7
Vận tải	0.17	158,021	1.9	2.5	-1.8	224.9	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tiện ích	0.44	251,172	0.4	-0.2	-2.6	41.7	63.8	12.0	21.7	1.3	NA	NA	-63.7	21.3

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
MSN VN	125,500	3.6	1,932,300	1.4
HPG VN	46,200	1.3	18,206,300	0.7
TCB VN	49,750	1.5	13,266,100	0.7
VRE VN	27,650	3.4	6,060,400	0.6
VIB VN	39,700	3.0	894,300	0.5
CTG VN	32,500	1.1	15,896,500	0.5
GAS VN	89,000	0.8	877,900	0.4
TPB VN	34,100	3.6	9,483,900	0.3
ACB VN	33,150	1.4	5,634,700	0.3
GVR VN	32,800	0.9	4,462,000	0.3

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VHM VN	107,800	-1.6	5,342,500	-1.6
VCB VN	95,000	-1.0	2,654,200	-1.0
VNM VN	87,500	-1.6	2,388,200	-0.8
NVL VN	106,500	-0.9	3,971,400	-0.4
EIB VN	24,900	-4.2	1,009,500	-0.4
MWG VN	158,000	-1.4	1,477,400	-0.3
BHN VN	48,200	-5.3	66,000	-0.2
DGC VN	93,000	-3.6	1,685,000	-0.2
FPT VN	93,200	-0.5	5,007,000	-0.1
PDR VN	89,800	-0.8	3,171,200	-0.1

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.